

B NG ã I M H C PH N - MĐN THÌ NH PH N

Kh¹ a h c : L p h c : 36CKX2 N h c : 2012-2013 ã VHT : 3
(45,0,0,0,0,0)

H ã T : H c ph n : 122067101105 - Quy ho ch tuy n t ãnh H c km : HK02

STT	Mí S	L P SV	H Vĩ T c N	NGÀY SINH	ñ I M THÌ NH PH N						TBC	QUY TS: 30.00%	ñ I M THI	QUY TS : 70.00%	ñ I M TK	GHI CHÚ
					L1	L2	L3	L4	L5	L6						
1	3673021299	36CKX2	Nguy n Tu n Anh	15/12/1994				4.0	8.0		6.0	1.8	7.8	5.5	7.3	
2	3673021219	36CKX2	Ph m Th Ki u Anh	25/08/1994				3.0	6.0		4.5	1.4	5.3	3.7	5.1	
3	3673020631	36CKX2	Võ Minh B o	12/07/1993				0.0	0.0		0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	N HPCT
4	3673020867	36CKX2	Tri u V ã	1991				3.0	6.0		4.5	1.4	3.0	2.1	3.5	
5	3673020609	36CKX2	B ị V ã	C ng 20/08/1994				4.0	7.3		5.7	1.7	5.5	3.9	5.5	
6	3673022005	36CKX2	Lê C ng	06/11/1994				5.0	7.0		6.0	1.8	5.3	3.7	5.5	
7	3673020795	36CKX2	Nguy n nh Tu n C ng	11/09/1994				4.0	5.0		4.5	1.4	1.8	1.3	2.6	
8	3673021587	36CKX2	ñ H u Chinh	22/02/1994				0.0	0.0		0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	N HPCT
9	3673020642	36CKX2	Lê Minh Chí	14/03/1994				3.5	5.0		4.3	1.3	8.5	6.0	7.2	
10	3673020810	36CKX2	Nguy n Ng c Danh	30/03/1994				4.0	7.0		5.5	1.7	5.5	3.9	5.5	
11	3673021683	36CKX2	Mai Tú Di u	19/09/1994				6.5	7.8		7.2	2.2	6.8	4.8	6.9	
12	3673021288	36CKX2	Nguy n Thi ² n Di u	12/01/1994				3.5	5.0		4.3	1.3	5.3	3.7	5.0	
13	3673021286	36CKX2	L ² Huu nh Anh Duy	22/09/1994				4.0	3.8		3.9	1.2	1.8	1.3	2.4	
14	3673021196	36CKX2	Tr ng Ng c Duy	17/05/1994				3.0	3.5		3.3	1.0	0.0	0.0	1.0	N HP
15	3673020825	36CKX2	Võ Thùy Trúc Duyên	14/02/1994				6.5	7.3		6.9	2.1	9.8	6.9	8.9	
16	3673020653	36CKX2	ñ ng Th ãi D ng	05/10/1993				2.0	3.0		2.5	0.8	1.5	1.1	1.8	
17	3673020919	36CKX2	Huu nh H i ã ã ng	01/05/1992				3.0	5.8		4.4	1.3	3.3	2.3	3.6	
18	3673020763	36CKX2	B ị M ã » ng	30/08/1994				0.0	0.0		0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	N HPCT
19	3673020663	36CKX2	Ho ã ng V ã ã c	22/02/1993				0.0	0.0		0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	N HPCT

B NG ấ I M H C PH N - M ấ N TH ấ NH PH N

Kh ấ a h c : L p h c : 36CKX2 N ấ m h c : 2012-2013 ấ VHT : 3
(45,0,0,0,0,0)
H ấ T : H c ph n : 122067101105 - Quy ho ch tuy n t ấ nh H c km : HK02

STT	M í S	L P SV	H V ấ T c N	NG ấ Y SINH	ấ I M TH ấ NH PH N						TBC	QUY TS: 30.00%	ấ I M THI	QUY TS : 70.00%	ấ I M TK	GHI CHÚ
					L1	L2	L3	L4	L5	L6						
20	3673020769	36CKX2	Ph m Th H u Em	25/05/1994				4.0	8.0		6.0	1.8	3.8	2.7	4.5	
21	3673020617	36CKX2	Tr n Nguy n Thanh H i	08/07/1993				4.0	6.0		5.0	1.5	6.0	4.2	5.7	
22	3673020582	36CKX2	ấ inh Th H i n	30/09/1993				4.0	7.3		5.7	1.7	8.0	5.6	7.3	
23	3673021113	36CKX2	Lê Công H i n	20/10/1993				4.0	6.0		5.0	1.5	6.8	4.8	6.3	
24	3673020885	36CKX2	Nguy n Duy H i n	01/09/1994				0.0	0.0		0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	CT
25	3673021283	36CKX2	Phan Trung H i u	01/04/1993				0.0	0.0		0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	N HPCT
26	3673020783	36CKX2	Hu nh Minh Ho ấ ng	05/10/1994				3.5	0.0		1.8	0.5	0.0	0.0	0.5	N HP
27	3673020711	36CKX2	D ấ ng T n H ấ a	05/10/1994				1.5	1.0		1.3	0.4	5.8	4.1	4.4	
28	3673021267	36CKX2	Lê Công Hu nh	26/11/1994				6.5	4.3		5.4	1.6	5.0	3.5	5.1	
29	3673020888	36CKX2	Nguy n Phi H ấ ng	07/07/1994				5.0	4.5		4.8	1.4	5.5	3.9	5.3	
30	3673020794	36CKX2	Tr n V ấ H u	14/02/1994				5.0	8.8		6.9	2.1	7.8	5.5	7.5	
31	3673020646	36CKX2	L u T Ki ấ n	24/10/1994				3.0	7.0		5.0	1.5	6.0	4.2	5.7	
32	3673020481	36CKX2	Ph m V ấ H ồ ấ ng Kim	20/04/1994				4.0	5.8		4.9	1.5	4.0	2.8	4.3	
33	3673020858	36CKX2	Phan Duy Kha	07/05/1994				0.0	0.0		0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	CT
34	3673020822	36CKX2	Ph m Th ấ i Khang	15/08/1994				3.0	5.3		4.2	1.3	0.0	0.0	1.2	N HP
35	3673020527	36CKX2	Nguy n Phi Khanh	14/03/1994				6.5	7.0		6.8	2.0	1.0	0.7	2.7	
36	3673021067	36CKX2	Tr n H ồ ấ ng Nh t Khanh	14/06/1994				5.0	5.0		5.0	1.5	10.0	7.0	8.5	
37	3673020790	36CKX2	Nguy n Th Kim Luy n	18/05/1993				5.0	6.0		5.5	1.7	7.5	5.3	6.9	
38	3673021092	36CKX2	Tr n V ấ H u Luy n	10/04/1994				3.5	5.5		4.5	1.4	0.8	0.6	1.9	N HP

B NG ấ I M H C PH N - MĐN TH ầ NH PH N

Kh ấ a h c : L p h c : 36CKX2 N ấ m h c : 2012-2013 ấ VHT : 3
(45,0,0,0,0,0)

H ấ T : H c ph n : 122067101105 - Quy ho ch tuy n t ấ nh H c km : HK02

STT	Mí S	L P SV	H Vĩ T c N	NGÀY SINH	ấ I M TH ầ NH PH N						TBC	QUY TS: 30.00%	ấ I M THI	QUY TS : 70.00%	ấ I M TK	GHI CHÚ
					L1	L2	L3	L4	L5	L6						
39	3673021063	36CKX2	V H O ấ M nh	07/11/1994				5.0	7.0		6.0	1.8	8.3	5.8	7.6	
40	3673020872	36CKX2	V ồ Ho à ng Ngh ấ	09/01/1994				0.0	0.0		0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	N HPCT
41	3673020716	36CKX2	Tr n Ph ¾c Nguy ầ n	03/09/1994				6.0	9.0		7.5	2.3	6.8	4.8	7.0	
42	3673020611	36CKX2	V ồ Th à nh Nguy ầ n	05/07/1993				3.0	4.0		3.5	1.1	2.0	1.4	2.5	
43	3673020498	36CKX2	ấ ng L c ầ Nhi	20/01/1994				4.0	6.8		5.4	1.6	5.0	3.5	5.1	
44	3673020712	36CKX2	H u nh Th Q u nh Nh	25/09/1994				4.5	6.8		5.7	1.7	2.0	1.4	3.1	
45	3673021459	36CKX2	ấ nh T i ² n Phong	05/11/1994				6.0	7.8		6.9	2.1	7.5	5.3	7.3	
46	3673021245	36CKX2	H Ng c Phong	13/08/1993				0.0	0.0		0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	N HPCT
47	3673020864	36CKX2	ấ ng H o ầ ng Ph ứ c	06/11/1994				5.5	8.8		7.2	2.2	6.5	4.6	6.7	
48	3673021462	36CKX2	Nguy n Th ầ nh Ph ứ c	09/10/1993				3.0	6.0		4.5	1.4	0.0	0.0	1.4	
49	3673020812	36CKX2	B ậ i Th L Quy n	27/04/1994				9.0	9.3		9.2	2.8	8.0	5.6	8.3	
50	3673020698	36CKX2	ấ Minh Quy n	15/05/1994				4.0	6.0		5.0	1.5	7.0	4.9	6.4	
51	3673020853	36CKX2	Nguy n B ầ Rim	21/10/1994				0.0	0.0		0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	N HPCT
52	3673021138	36CKX2	Cao V ấ Nh Sang	08/05/1994				7.0	9.8		8.4	2.5	5.8	4.1	6.6	
53	3673021565	36CKX2	Nguy n Thanh S n	16/07/1993				0.0	0.0		0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	N HPCT
54	3673020837	36CKX2	B ậ i T i n S	18/02/1994				4.5	6.0		5.3	1.6	4.5	3.2	4.7	
55	3673020655	36CKX2	Lê Xu ầ n S	10/03/1994				0.0	0.0		0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	N HPCT
56	3673020520	36CKX2	Phan Thu n T ầ nh	12/09/1994				6.5	8.3		7.4	2.2	4.5	3.2	5.4	N HP
57	3673020903	36CKX2	Tr nh Minh Tâm	18/01/1994				6.5	9.5		8.0	2.4	9.8	6.9	9.3	

B NG ã I M H C PH N - MĐN TH Ì NH PH N

Kh¹ a h c : L p h c : 36CKX2 N h c : 2012-2013 ã VHT : 3
(45,0,0,0,0,0)

H ã T : H c ph n : 122067101105 - Quy ho ch tuy n t ãnh H c km : HK02

STT	Mí S	L P SV	H Vĩ T c N		NGÀY SINH	ñ I M TH Ì NH PH N						TBC	QUY TS: 30.00%	ñ I M THI	QUY TS : 70.00%	ñ I M TK	GHI CHÚ
						L1	L2	L3	L4	L5	L6						
58	3673020492	36CKX2	H Minh	Ti n	18/08/1994				7.0	9.0		8.0	2.4	9.3	6.5	8.9	
59	3673021988	36CKX2	Nguy n Vi t	Ti n	06/02/1994				0.0	0.0		0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	N HPCT
60	3673021119	36CKX2	Lê Quang	Tín	23/04/1994				0.0	0.0		0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	N HPCT
61	3673020635	36CKX2	Ho ãng ã i	Tuân	02/08/1994				0.0	0.0		0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	N HPCT
62	3673021256	36CKX2	D ãng Thanh	Tu n	18/05/1994				6.0	7.3		6.7	2.0	7.5	5.3	7.2	
63	3673020874	36CKX2	Tr n Th Thanh	Tuy n	10/01/1994				4.0	9.0		6.5	2.0	8.5	6.0	7.9	
64	3673021249	36CKX2	Ngô Quang	Tú	19/07/1994				3.0	5.0		4.0	1.2	4.5	3.2	4.4	
65	3673020667	36CKX2	Nguy n Ng c	T u	19/03/1994				4.0	8.5		6.3	1.9	9.3	6.5	8.4	
66	3673021074	36CKX2	Nguy n ã ãng	Th nh	03/02/1994				3.0	6.0		4.5	1.4	6.0	4.2	5.6	
67	3673021093	36CKX2	Ph m Ho ãng	Th nh	07/10/1994				7.5	8.3		7.9	2.4	8.0	5.6	8.0	
68	3673020780	36CKX2	Tr n Quang	Thu n	13/02/1994				3.0	4.0		3.5	1.1	1.0	0.7	1.8	
69	3673020532	36CKX2	Nguy n Th ãnh Minh	Th	15/07/1993				8.0	8.5		8.3	2.5	9.8	6.9	9.3	
70	3673021127	36CKX2	ñ ãng Th Thu	Th ãng	25/04/1994				3.0	6.0		4.5	1.4	4.3	3.0	4.4	
71	3673020801	36CKX2	Ki u Th ãng L m	Th ãng	06/02/1994				4.0	8.0		6.0	1.8	5.0	3.5	5.3	
72	3673021461	36CKX2	Tr n V ãnh	Th ãng	17/12/1993				4.0	6.3		5.2	1.6	4.5	3.2	4.7	
73	3673020759	36CKX2	L ² Th Th ãy	Trang	02/06/1992				4.0	8.8		6.4	1.9	8.0	5.6	7.5	
74	3673020845	36CKX2	D ãng Th	Vân	30/11/1994				6.5	9.8		8.2	2.5	2.0	1.4	3.8	
75	3673020585	36CKX2	Nh V ãnh	Vi t	09/11/1993				4.0	6.0		5.0	1.5	7.8	5.5	7.0	
76	3673020586	36CKX2	ñ Th ãnh	Vinh	16/07/1994				4.0	6.0		5.0	1.5	7.8	5.5	7.0	

B NG ấ I M H C PH N - MĐN TH ấ NH PH N

Kh ấ a h c : L p h c : 36CKX2 N ấ h c : 2012-2013 ấ VHT : 3
(45,0,0,0,0,0)
H ấ T : H c ph n : 122067101105 - Quy ho ch tuy n t ấ nh H c km : HK02

STT	Mí S	L P SV	H Vĩ T c N	NGÀY SINH	ấ I M TH ấ NH PH N						TBC	QUY TS: 30.00%	ấ I M THI	QUY TS : 70.00%	ấ I M TK	GHI CHÚ
					L1	L2	L3	L4	L5	L6						
77	3673021071	36CKX2	Hu ấ nh Ph ấ ng Vĩnh	05/01/1994				3.5	4.0		3.8	1.1	2.5	1.8	2.9	
78	3673021137	36CKX2	Nguy n V ấ nh Vĩnh	21/10/1994				0.0	0.0		0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	N HPCT
79	3673021157	36CKX2	B ấ i V ấ nh V ấ o	20/05/1994				7.5	9.0		8.3	2.5	10.0	7.0	9.5	
80	3673020894	36CKX2	Tr n V ấ nh V ấ ng	27/07/1993				7.5	4.8		6.2	1.9	9.5	6.7	8.5	
81	3673021195	36CKX2	Nguy n Th ấ Xu ấ n	22/12/1993				5.0	8.0		6.5	2.0	8.0	5.6	7.6	
82	3673020674	36CKX2	V ấ ấ Th Ng c Y ấ n	05/02/1994				4.0	6.3		5.2	1.6	6.3	4.4	6.0	

T ấ ng s : 82 h c sinh sinh v ấ ấ n
Tr ấ ng Khoa Gi ấ o V ấ ấ n B M ấ n
Tp.HCM, ngày / /
Gi ấ o V ấ Khoa